

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2021/HS-PT

Ngày 17 - 9 -2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Văn Công Dân.

- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Đình Triết.

Ông Nguyễn Văn Bằng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thê - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Cầu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 189/2021/TLPT-HS ngày 07/7/2021 đối với các bị cáo Lê Xuân V và Lê Văn H do các bị cáo kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2021/HSST ngày 05/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Họ và tên: **Lê Xuân V**. Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; ngày tháng năm sinh: 07/12/1987 tại huyện B, tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 1, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; con ông: Lê Duy N, sinh năm 1965 và con bà: Phạm Thị T, sinh năm: 1964; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Ánh V, sinh năm: 1997 và có 02 con, con lớn sinh năm 2016; con nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án: Không;

Tiền sự: Có 01 tiền sự; bị cáo Lê Xuân V đã bị Ủy ban nhân dân huyện B ra quyết định xử phạt hành chính số 17/QĐ –XPVPHC ngày 05/01/2019 về hành vi vận chuyển lâm sản trái phép, bị cáo chưa thực hiện nộp phạt.

Nhân thân: Ngày 21/01/2019 bị cáo Lê Xuân V đã bị Ủy ban nhân dân huyện C ra quyết định hành chính số 98/QĐ –XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực giao thông đường bộ, an ninh, trật tự an toàn xã hội, quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” - Có mặt;

2. Họ và tên: **Lê Văn H**. Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; ngày, tháng, năm sinh: 18/3/1992 tại huyện B, tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 6, thị trấn K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 8/12; con ông: Lê Văn K, sinh năm 1963 và con bà: Đặng Thị H, sinh năm: 1965; bị cáo có vợ là Lưu Thị Q, sinh năm: 1990 và 01 con sinh năm 2017;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Có 01 tiền sự, bị cáo Lê Văn H đã bị Công an huyện B ra quyết định xử phạt hành chính số 07/QĐ-XPHC ngày 17/02/2020 về hành vi vận chuyển lâm sản trái phép, bị cáo đã chấp hành nộp phạt xong.

Nhân thân: Ngày 24/04/2018 bị cáo Lê Văn H đã bị Công an huyện B ra quyết định hành chính số 03/QĐ –XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vận chuyển trái phép gỗ.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” - Có mặt;

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Ánh V, sinh năm 1997; địa địa: Thôn 1, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

2. Anh Y P, sinh năm 1983; địa chỉ: Buôn R, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

3. Anh Y B, sinh năm 1985; địa chỉ: Buôn L, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

4. Anh Y B1, sinh năm 1987; địa chỉ: Buôn L, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

5. Anh Vũ Nguyên P, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 5 năm 2020, Vũ Nguyên P và Y P đi bắt cá tại đập thủy lợi xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk thì phát hiện 01 cây gỗ (gỗ Giáng Hương) dài khoảng 12m, đường kính gốc khoảng 45cm - 50cm nằm dưới đáy hồ. Sau đó, P đã gọi thêm Y B và Y B1 tham gia và sử dụng các công cụ để trực vớt cây gỗ rồi kéo cây gỗ về bờ đập B để tìm người mua.

Sau khi kéo cây gỗ về bờ đập, P gọi điện cho Lê Huy C, sinh năm 1964, trú tại thôn 03, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk để hỏi có mua gỗ hương hay không?. Sau đó, C đã cùng với Lê Đình K, sinh năm 1994, trú tại thôn, xã C, huyện X, tỉnh Thanh Hóa và 01 người tên N1 (chưa xác định tên tuổi và địa chỉ) đi vào xem cây gỗ hương để tại bờ đập B, huyện L. Sau khi xem gỗ, bà N1 đã nhờ ông C đứng ra thỏa thuận giá để mua cây gỗ hương với nhóm của ông P. Sau khi thỏa thuận thì bà N1 thống nhất giá mua bán toàn bộ khối lượng cây gỗ hương với số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) và yêu cầu nhóm ông P cắt xẻ cây gỗ hương theo quy cách để vận chuyển, thì nhóm của ông P đồng ý. Sau đó, bà N1 đã đưa cho ông C số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu đồng) để nhờ chuyển tiền đặt cọc cho nhóm ông P, số tiền còn lại sẽ thanh toán khi bốc gỗ lên xe vận chuyển gỗ đi. Sau khi nhận tiền cọc, ông P đã thuê con trai là Vũ Nguyên H, sử dụng máy cưa lóc cắt, xẻ cây gỗ hương thành lóng, hộp, cục theo quy cách trong thời gian 01 ngày. Rồi nhóm ông P đã thuê Y P1, sử dụng xe cày MTZ vận chuyển toàn bộ số gỗ hương đã cắt xẻ về tập kết tại 03 điểm gồm: Nhà của Vũ Nguyên P, nhà của Y P và nhà của ông Y B2 cất giấu.

Khoảng 15 giờ 05 phút ngày 31/5/2020, Văn Phú C, ở tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk điện thoại cho Lê Xuân V, nói có một người phụ nữ tên N1 (chưa xác định được họ tên và địa chỉ) đã liên hệ với C để thuê chở gỗ ở huyện Lắk và cho V số điện thoại của bà N1 để tự liên lạc và thỏa thuận việc vận chuyển gỗ. Sau đó, V điện thoại cho bà N1 để thỏa thuận về việc vận chuyển gỗ từ huyện Lắk về thành phố B với số tiền 2.000.000 đồng. Bà N1 đồng ý và nói V điều khiển xe ô tô đi đến thôn N, xã L, huyện L đón một người để dẫn đường đi đến địa điểm bốc gỗ. Tiếp đó, V gọi điện thuê Lê Văn H, nói H đi lấy xe ô tô mang biển kiểm soát 47C-130.02 (do V là chủ sở hữu) và điều khiển xe đi đến Ngã ba Y, huyện B đón V để đi vào huyện L để vận chuyển gỗ, thỏa thuận tiền công chở là 500.000 đồng/chuyến. Sau khi đón V, H điều khiển xe ô tô chở V đi đến quán nước mía tại thôn N, xã L. Tại đây, H và V đón thêm Lê Đình K và K dẫn đường đi vào xã B, huyện L để bốc gỗ tại 03 vị trí gồm: Nhà của Vũ Nguyên P, nhà của Y P và nhà của ông Y B2.

Sau khi bốc toàn bộ 15 lóng, 07 hộp, 02 cục gỗ hương, có tổng khối lượng 3,694m³ xếp lên thùng xe ô tô, K đã giao đủ số tiền còn lại là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) cho nhóm ông P, rồi cùng với H, V điều khiển xe ô tô chở gỗ đi về hướng thành phố B. Đến khoảng 22 giờ 20 phút cùng ngày, khi H điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 47C-130.02 cùng với V, K vận chuyển số gỗ hương trên đi về đến đoạn đường Quốc lộ 27, thuộc địa phận của tổ dân phố 3, thị trấn S, huyện L, tỉnh Đắk Lắk thì bị Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Đắk Lắk phối hợp với Công an huyện Lắk kiểm tra, phát hiện toàn bộ số gỗ không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ gỗ nên đã lập biên bản tạm giữ toàn bộ số gỗ hương và xe ô tô để điều tra xử

lý theo quy định của pháp luật.

Mở rộng điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 gốc gỗ có khối lượng 1,490m³ do nhóm của ông P cắt dấu tại nhà ông Y B2, ở tại buôn L, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk để xử lý theo quy định.

Tại kết luận giám định ngày 09/9/2020 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk kết luận:

1. Về chủng loại: Gỗ có tên Việt Nam là Giáng Hương quả to; tên khoa học là *Pterocarpus macrocarpus*; nhóm gỗ: Nhóm IIA.

2. Về khối lượng:

- 15 lóng, 07 hộp, 02 cục gỗ xếp trên thùng xe ô tô biển kiểm soát 47C-130.02 có tổng khối lượng 3,694m³.

- Đối với 01 gốc gỗ nằm tại bãi của Cơ quan điều tra Công an huyện Lắk, Cơ quan giám định chỉ xác định là loại gỗ Giáng hương, nhóm IIA, tên khoa học *Pterocarpus macrocarpus* nhưng từ chối giám định khối lượng do không có loại cân chuyên dụng để cân.

3. Đối với các nội dung xác định tuổi, khối lượng lâm sản trên có được cắt xẻ từ cùng một cây gỗ hay từ nhiều cây gỗ khác nhau, toàn bộ khối lượng gỗ là gỗ trực vớt hay gỗ khai thác từ rừng tự nhiên, gỗ nằm ở dưới nước bao nhiêu năm tính từ thời điểm 01/6/2020 thì Cơ quan giám định từ chối giám định do nội dung vượt quá khả năng chuyên môn theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Luật Giám định tư pháp 2012.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐGTS ngày 11/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện L kết luận:

- 01 Xe ô tô tải có mui, biển kiểm soát 47C-130.02, đã qua sử dụng có giá trị là 18.300.000 đồng;

- 07 hộp gỗ Giáng hương (khối lượng quy tròn: 0,651m³) có giá trị là 9.489.000 đồng;

- 15 lóng gỗ Giáng hương (khối lượng quy tròn: 2,938 m³) có giá trị là 45.374.000 đồng;

- 02 cục gỗ Giáng hương (khối lượng quy tròn: 0,105 m³) có giá trị là 683.000 đồng;

- 01 gốc gỗ Giáng hương (khối lượng: 1,490 m³) có giá trị là 14.528.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản là 88.374.000 đồng (tám mươi tám triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2021/HSST ngày 05/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lắk đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Xuân V và Lê Văn H phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

Căn cứ vào điểm m khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lê Xuân V 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ngày 18/5/2021, các bị cáo Lê Xuân V và Lê Văn H kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm m khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm xong bị cáo Lê Xuân V cung cấp thêm tài liệu có ông nội là liệt sỹ đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Tuy nhiên mức hình phạt 09 tháng tù đối với bị cáo V và 06 tháng tù đối với bị cáo H mà cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo. Tòa cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Căn cứ lời khai của các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 31/5/2020,

sau khi được sự giới thiệu của bạn bè, Lê Xuân V đã liên lạc và thỏa thuận với người phụ nữ tên N1 thuê V vận chuyển gỗ hương từ địa bàn huyện L về thành phố B, với giá 2.000.000 đồng. Sau đó, V đã gọi điện thuê Lê Văn H điều khiển xe ô tô mang biển kiểm soát 47C-130.02 đi sang địa bàn huyện L để vận chuyển gỗ hương với giá 500.000 đồng/chuyến. H đồng ý và điều khiển xe ô tô cùng với V đi đến thôn N xã L, huyện L đón Lê Đình K dẫn đường đi vào xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk để bốc và vận chuyển gỗ. Tại đây, nhóm người của Vũ Nguyên P đã bốc và xếp lên thùng xe ô tô gồm: 15 (mười lăm) lóng, 07 (bảy) hộp, 02 (hai) cục gỗ Giáng Hương, gỗ nhóm IIA, có tổng khối lượng 3,694m³, có tổng giá trị là 55.546.000 đồng. Sau đó, H điều khiển xe ô tô cùng với V và K vận chuyển toàn bộ số gỗ hương trên đi ra hướng trung tâm huyện L để đi về thành phố B thì bị phòng Cảnh sát kinh tế phối hợp với Công an huyện Lắk kiểm tra, phát hiện và lập biên bản tạm giữ phương tiện và toàn bộ số gỗ hương không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ gỗ.

Mặc dù các bị cáo vận chuyển trái phép 3,694m³ gỗ Giáng Hương, thuộc nhóm IIA, chưa đủ định lượng về vận chuyển lâm sản để truy tố các bị cáo về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”, nhưng bị cáo Lê Xuân V đã bị Ủy ban nhân dân huyện B ra quyết định xử phạt hành chính số 17/QĐ –XPVPHC ngày 05/01/2019 về hành vi vận chuyển lâm sản trái phép bị cáo bị phạt tổng số tiền là 65.000.000 đồng, bị cáo chưa chấp hành việc nộp phạt. Việc bị cáo chưa chấp hành việc nộp phạt nhưng bị cáo không có đơn xin miễn, giảm thi hành quyết định xử phạt hành chính. Tại biên bản hỏi cung bị can ngày 08/02/2021 (Bút lục số 196) và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận việc bị cáo chưa chấp hành việc nộp phạt là do bị cáo cố tình trì hoãn. Bị cáo Lê Văn H đã bị Công an huyện B ra quyết định xử phạt hành chính số 07/QĐ–XPHC ngày 17/02/2020 về hành vi vận chuyển lâm sản trái phép. Các bị cáo đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vận chuyển lâm sản trái phép nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính mà tiếp tục vi phạm nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo điểm m khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo, thấy rằng: Các bị cáo biết rằng hành vi vận chuyển lâm sản trái phép của các bị cáo là xâm phạm đến chế độ quản lý và bảo vệ môi trường, chế độ bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng của nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Các bị cáo nhận thức được rằng, hành vi khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, bất chấp các quy định của pháp luật, các bị cáo đã bị xử phạt hành chính về hành vi vận chuyển trái phép lâm sản, nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học cho

bản thân mà vẫn cố ý thực hiện vận chuyển trái phép, thể hiện sự coi thường pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 cho các bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm xong bị cáo Lê Xuân V cung cấp thêm tài liệu có ông nội Lê Xuân H là liệt sỹ đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Tuy nhiên mức hình phạt 09 tháng tù đối với bị cáo V và 06 tháng tù đối với bị cáo H mà cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo nên hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo mà giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lắc.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Xuân V và Lê Văn H - Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2021/HSST ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

[2.1]. Áp dụng điểm m khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lê Xuân V 09 (Chín) tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

[2.2]. Áp dụng điểm m khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Lê Xuân V và Lê Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND huyện Lắk;
- VKSND huyện Lắk;
- Công an huyện Lắk;
- Chi cục THADS huyện L;
- Bị cáo;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Công Dân